

CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO ESG TRONG NGÀNH NGÂN HÀNG: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, KHOẢNG TRỐNG THÔNG TIN VÀ HÀM Ý CẢI THIỆN MINH BẠCH

• ĐẶNG PHÚ HIỆP

Đại học Công nghệ Sydney

Email liên hệ: robertdang9495@gmail.com

TÓM TẮT:

Bài viết đề xuất khung tiêu chí đánh giá chất lượng báo cáo ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị) ngân hàng, nhấn mạnh tính trọng yếu, định lượng, nhất quán, minh bạch dữ liệu và kiểm chứng. Dựa trên phân tích báo cáo, nghiên cứu xác định 3 khoảng trống: chưa gắn ESG với hoạt động cốt lõi và rủi ro; KPI thiếu đường cơ sở, chuỗi thời gian, phương pháp tính; hạn chế kiểm chứng và trách nhiệm giải trình. Từ đó, bài viết kiến nghị nâng minh bạch ở cấp ngân hàng, quản lý và nhà đầu tư để tăng tính so sánh.

Từ khóa: báo cáo ESG, chất lượng, công bố, minh bạch, ngân hàng.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh tài chính bền vững trở thành một ưu tiên của hệ thống ngân hàng, báo cáo ESG không chỉ là hoạt động truyền thông tự nguyện mà đang dịch chuyển theo hướng chuẩn hóa, so sánh được và có thể kiểm chứng nhằm hỗ trợ kỷ luật thị trường và đánh giá rủi ro liên quan ESG. Ở cấp độ quản lý, các yêu cầu công bố theo Pillar 3 về rủi ro ESG được thiết kế để nâng tính nhất quán và tính hữu ích của thông tin công bố, qua đó khắc phục các hạn chế phổ biến trong công bố hiện nay (European Banking Authority, 2022). Ở góc độ học thuật, nhiều nghiên cứu chỉ ra, ESG và công bố bền vững có liên hệ đáng kể với kết quả và độ vững của ngân hàng, song bằng chứng còn khác biệt theo bối cảnh, giai đoạn và thước đo, làm nổi bật nhu cầu đánh giá

chất lượng báo cáo thay vì chỉ ghi nhận “có/không” công bố [(Buallay, A., Fadel, S. M., Alajmi, J., & Saudagaran, S., 2021); (Chiaramonte, L., Dreassi, A., Girardone, C., & Piserà, S., 2022)].

Tại Việt Nam, nghiên cứu dựa trên chấm điểm công bố ESG bằng phân tích nội dung đối với các ngân hàng thương mại cho thấy, công bố ESG có thể gắn với một số chỉ tiêu hiệu quả tài chính, đồng thời gợi ý cách thức/độ sâu công bố (themes, mức độ định lượng hóa) là yếu tố then chốt quyết định giá trị thông tin của báo cáo (Bui Thi Thu Loan, Tran Thi Lan Anh, & Trang Hoang., 2024). Vì vậy, việc xây dựng khung tiêu chí đánh giá chất lượng báo cáo ESG, nhận diện khoảng trống thông tin và đề xuất hàm ý cải thiện minh bạch là cần thiết để nâng độ tin cậy của công bố, tăng khả năng so sánh giữa các

ngân hàng và hỗ trợ các bên liên quan (nhà quản lý, nhà đầu tư, khách hàng) ra quyết định dựa trên bằng chứng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về chất lượng báo cáo ESG trong ngành ngân hàng

Trong nghiên cứu về công bố bền vững, chất lượng báo cáo ESG được hiểu là mức độ mà thông tin ESG được trình bày có tính hữu ích cho ra quyết định, thể hiện qua các thuộc tính cốt lõi như tính đầy đủ, tính liên quan và trọng yếu, tính nhất quán và so sánh được theo thời gian, cùng khả năng kiểm chứng của dữ liệu và lập luận. Đối với ngành ngân hàng, yêu cầu về chất lượng báo cáo ESG thường gắn với mục tiêu giảm bất cân xứng thông tin và tăng kỷ luật thị trường trong đánh giá mức độ phơi nhiễm rủi ro ESG, đặc biệt là rủi ro khí hậu. Các hướng dẫn và tiêu chuẩn công bố thận trọng theo cơ chế Pillar 3 của European Banking Authority nhấn mạnh cấu trúc bảng biểu, chỉ tiêu định lượng và hướng dẫn trình bày nhằm tạo ra thông tin có thể so sánh giữa các tổ chức tín dụng, qua đó hỗ trợ nhà đầu tư và các bên liên quan đánh giá rủi ro và mức độ vững của ngân hàng (European Banking Authority, 2022).

Về mặt lý thuyết, chất lượng báo cáo ESG của ngân hàng có thể được giải thích bởi các cách tiếp cận kinh điển trong công bố tự nguyện. Lý thuyết các bên liên quan cho thấy, ngân hàng có động cơ nâng cao chất lượng công bố để đáp ứng nhu cầu thông tin và kỳ vọng giám sát của các nhóm có ảnh hưởng, từ đó củng cố quan hệ, giảm xung đột lợi ích và duy trì nguồn lực chiến lược (Freeman, R. E., 1984). Lý thuyết tính chính danh nhấn mạnh vai trò của công bố ESG như một công cụ duy trì hoặc khôi phục sự chấp thuận xã hội; trong bối cảnh áp lực thể chế gia tăng, tổ chức có thể mở rộng công bố để bảo vệ tính chính danh, nhưng mức độ thực chất của thông tin phụ thuộc vào chiến lược quản trị và mức độ chịu trách nhiệm giải trình (Suchman, M. C., 1995). Đồng thời, lý thuyết tín hiệu cho rằng, các tổ chức có năng lực bền vững tốt có động cơ phát tín hiệu thông qua công bố chất lượng cao, ưu tiên chỉ tiêu có thể đo lường và kiểm chứng nhằm giảm bất cân xứng thông tin với thị trường (Spence, M., 1973).

Các nền tảng lý thuyết trên cũng gợi mở yêu cầu phân biệt giữa mức độ công bố và chất lượng công bố. Việc chỉ đo lường số lượng thông tin có thể dẫn tới đánh giá lệch vì không phản ánh đầy đủ tính cụ thể, tính trọng yếu và mức độ kiểm chứng của nội dung. Bằng chứng thực nghiệm cho thấy, khi chuyển trọng tâm từ lượng sang chất, có thể quan sát rõ hơn cơ chế tín hiệu, trong đó các tổ chức có thành tích bền vững tốt thường lựa chọn công bố chất lượng cao để khẳng định năng lực với thị trường; ngược lại, áp lực chính danh có thể gắn với các hình thức công bố kém chất lượng nếu thông tin thiếu định lượng hoặc thiếu kiểm chứng (Hummel, K., & Schlick, C., 2016). Từ đó, nghiên cứu chất lượng báo cáo ESG trong ngân hàng cần một khung phân tích nhấn mạnh tính trọng yếu theo rủi ro, tính định lượng, tính nhất quán và khả năng kiểm chứng, phù hợp với mục tiêu tăng minh bạch và khả năng so sánh của công bố ESG.

2.2. Khung tiêu chí đánh giá chất lượng báo cáo ESG của ngân hàng

Trong khuôn khổ nghiên cứu công bố bền vững, chất lượng báo cáo ESG có thể được tiếp cận như một cấu phần của chất lượng thông tin, nhấn mạnh khả năng hỗ trợ ra quyết định thông qua các thuộc tính như độ chính xác, cân bằng, rõ ràng, so sánh được, đầy đủ và kiểm chứng được. Bộ chuẩn của Global Reporting Initiative đã cụ thể hóa các thuộc tính này thành các nguyên tắc chất lượng báo cáo, tạo cơ sở lý luận để xây dựng tiêu chí đánh giá ở cấp độ nội dung và bằng chứng (Global Reporting Initiative., 2021). Bên cạnh đó, đối với ngành ngân hàng, chất lượng báo cáo ESG cần phản ánh mức độ gắn kết giữa ESG với quản trị, chiến lược, quản trị rủi ro và hệ chỉ tiêu-mục tiêu định lượng; đây cũng là trọng tâm của chuẩn mực công bố liên quan khí hậu IFRS S2 nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho nhà đầu tư và các bên sử dụng báo cáo về rủi ro và cơ hội khí hậu (IFRS Foundation., 2023).

Ở góc độ công bố thận trọng, yêu cầu theo Pillar 3 đối với rủi ro ESG hướng đến tăng tính nhất quán và khả năng so sánh giữa các tổ chức tín dụng, qua đó hỗ trợ kỷ luật thị trường và giảm bất cân xứng

thông tin trong đánh giá mức độ phơi nhiễm rủi ro ESG của ngân hàng (European Banking Authority, 2022). Trên nền tảng đó, khung tiêu chí đánh giá cần tránh đồng nhất mức độ công bố với chất lượng công

bố, bởi bằng chứng cho thấy chất lượng mới là yếu tố phản ánh rõ giá trị thông tin và cơ chế tín hiệu trong công bố tự nguyện (Hummel, K., & Schlick, C., 2016).

Bảng 1. Khung tiêu chí đánh giá chất lượng báo cáo ESG của ngân hàng

Nhóm tiêu chí	Nội hàm đánh giá	Dấu hiệu/Chỉ báo kiểm tra trong báo cáo	Gợi ý thang định tính
1. Tính trọng yếu và phù hợp ngành	Tập trung vào vấn đề ESG trọng yếu với ngân hàng, gắn hoạt động cốt lõi và rủi ro	Có quy trình xác định trọng yếu; chủ đề trọng yếu liên quan tín dụng, rủi ro, tuân thủ, dữ liệu, khách hàng	0 = không rõ; 1 = có nhưng chung; 2 = rõ, có lý do/bằng chứng
2. Tính đầy đủ cấu trúc E-S-G	Bao phủ đủ trụ cột, không bỏ sót mảng trọng yếu	Có phần E/S/G tương đối cân bằng; thể hiện liên kết giữa các phần (G dẫn dắt E/S)	0–2
3. Cụ thể và định lượng hóa	Có KPI, số liệu, đường cơ sở, mục tiêu theo thời gian	KPI định lượng; có baseline, mục tiêu, tiến độ, mốc thời gian	0–2
4. Nhất quán theo thời gian và so sánh được	Có chuỗi số liệu; định nghĩa chỉ tiêu ổn định	Số liệu nhiều năm; giải thích thay đổi phạm vi/định nghĩa; có đối chiếu	0–2
5. Liên kết chiến lược và mô hình kinh doanh	ESG gắn chiến lược, ưu tiên, nguồn lực	ESG trong chiến lược/kế hoạch; mô tả phân bổ nguồn lực, sản phẩm/danh mục, khách hàng mục tiêu	0–2
6. Tích hợp quản trị rủi ro ESG/khí hậu	ESG tích hợp vào khung quản trị rủi ro	Mô tả nhận diện-đo lường-giám sát rủi ro ESG; tiêu chí môi trường-xã hội trong tín dụng; khí hậu	0–2
7. Quản trị và trách nhiệm giải trình	Vai trò HĐQT/BLĐ và cơ chế giám sát rõ	Cấu trúc quản trị ESG; phân công trách nhiệm; ủy ban; cơ chế báo cáo nội bộ	0–2
8. Tính cân bằng và trung thực	Nêu cả thành tích và hạn chế/rủi ro	Có phần hạn chế, sự cố, rủi ro; bài học và kế hoạch khắc phục	0–2
9. Minh bạch phương pháp và phạm vi dữ liệu	Người đọc hiểu dữ liệu từ đâu, tính thế nào	Nêu phạm vi, nguồn dữ liệu, phương pháp tính KPI; giả định/giới hạn dữ liệu	0–2
10. Khả năng kiểm chứng/đảm bảo độc lập	Có assurance/đối chiếu đáng tin cậy	Có đảm bảo độc lập hoặc cơ chế kiểm soát dữ liệu; tài liệu nền và đối chiếu	0–2

Nguồn: tác giả tổng hợp và đề xuất

2.3. Thực trạng chất lượng báo cáo ESG của các ngân hàng và mức độ đáp ứng khung tiêu chí

Thực tiễn công bố ESG trong ngành ngân hàng Việt Nam những năm gần đây cho thấy, xu hướng gia tăng về mức độ quan tâm và phạm vi nội dung báo cáo, phản ánh áp lực ngày càng rõ từ các bên liên quan và yêu cầu hội nhập tài chính bền vững. Tuy nhiên, các tổng quan chuyên ngành cũng nhấn mạnh số lượng tổ chức tín dụng công bố báo cáo ESG vẫn còn khiêm tốn và mức độ chuẩn hóa giữa các ngân hàng chưa đồng đều, khiến khả năng so sánh và đánh giá theo thời gian còn hạn chế (Tập chí Ngân hàng., (2024). Khi đối chiếu theo khung tiêu chí ở bảng 1, chênh lệch chất lượng thể hiện rõ nhất ở các tiêu chí đòi hỏi định lượng hóa, nhất quán dữ liệu và khả năng kiểm chứng. Bảng chứng định lượng hóa công bố ESG bằng phân tích nội dung cho thấy mức điểm ESG còn thấp và phân tán. Chẳng hạn, một nghiên cứu trên 24 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2018-2022, chấm điểm công bố theo 12 chủ đề dựa trên phương pháp Fair Finance Guide, ghi nhận điểm ESG tổng hợp trung bình chỉ khoảng 0,992/10; giá trị nhỏ nhất 0,112 và lớn nhất 3,284/10, hàm ý công bố ESG đã xuất hiện nhưng mức độ chuẩn hóa và chiều sâu thông tin còn hạn chế (Bui Thi Thu Loan, Tran Thi Lan Anh, & Trang Hoang., 2024).

Về cấu trúc nội dung, các báo cáo thường có xu hướng đáp ứng tốt hơn các tiêu chí thuộc nhóm “mô tả chính sách” và “tuyên bố cam kết”, trong khi còn yếu ở các tiêu chí phản ánh giá trị thông tin như trình bày đường cơ sở, phương pháp tính chỉ tiêu, phạm vi dữ liệu, cũng như chuỗi số liệu qua nhiều năm. Tình trạng này làm phát sinh khoảng cách giữa mức độ công bố và chất lượng công bố: báo cáo có thể dày hơn nhưng vẫn khó hỗ trợ người đọc đánh giá mức độ phơi nhiễm rủi ro ESG của danh mục tín dụng, mức độ tích hợp ESG vào quản trị rủi ro, hay hiệu quả thực thi theo mục tiêu định lượng.

Ở góc độ quản trị rủi ro, một nghiên cứu sử dụng dữ liệu 27 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2018-2023 và phương pháp GMM cho thấy, công bố ESG có liên hệ với rủi ro tín dụng, đồng thời nhấn mạnh sự khác biệt khi xét từng cấu phần E, S, G (Nguyen, P. M. U., & Pham, T. T., 2025). Kết quả này củng cố lập luận, chất lượng công bố, đặc biệt ở các nội dung có thể định lượng và gắn với quản trị rủi ro, là yếu tố then chốt quyết định mức độ hữu

ích của báo cáo đối với thị trường. Do đó, xét theo khung tiêu chí ở Bảng 1, thực trạng chất lượng báo cáo ESG của ngành ngân hàng Việt Nam có thể được khái quát: đã có tiến bộ về mức độ tham gia và phạm vi chủ đề, nhưng vẫn cần cải thiện đáng kể về tính trọng yếu theo đặc thù ngành, định lượng hóa chỉ tiêu, minh bạch phương pháp và tăng cường cơ chế kiểm chứng để nâng mức độ minh bạch và khả năng so sánh giữa các ngân hàng.

2.4. Khoảng trống thông tin trong báo cáo ESG và hàm ý cải thiện minh bạch cho ngành ngân hàng

Đối chiếu thực trạng công bố với khung tiêu chí ở Bảng 1 cho thấy, các khoảng trống thông tin trong báo cáo ESG của ngân hàng tập trung vào 3 nhóm chính: tính trọng yếu, dữ liệu - phương pháp và kiểm chứng - trách nhiệm giải trình. Các khoảng trống này làm suy giảm giá trị thông tin của báo cáo, hạn chế khả năng so sánh liên ngân hàng và giảm mức độ hữu ích đối với quản trị rủi ro cũng như ra quyết định của các bên liên quan.

Thứ nhất, khoảng trống về tính trọng yếu và liên kết với hoạt động cốt lõi. Nhiều báo cáo còn nghiêng về liệt kê hoạt động, trong khi chưa làm rõ chủ đề ESG nào là trọng yếu đối với ngân hàng và vì sao trọng yếu. Nội dung chưa được “gắn vào các vấn đề cốt lõi như danh mục tín dụng, quản trị rủi ro, tuân thủ, chất lượng dữ liệu và mức độ tác động/rủi ro. Hệ quả là báo cáo thiếu trọng tâm và khó phản ánh mức độ phơi nhiễm rủi ro ESG thực sự.

Thứ hai, khoảng trống về định lượng hóa và minh bạch dữ liệu - phương pháp. Dù một số báo cáo có KPI, nhiều trường hợp vẫn thiếu đường cơ sở, phạm vi dữ liệu, phương pháp tính, giả định và chuỗi số liệu theo thời gian. Việc thiếu nhất quán về định nghĩa và cách phân loại (ví dụ danh mục xanh, sản phẩm xanh, tiêu chí rủi ro môi trường - xã hội) làm giảm tính so sánh và tăng rủi ro diễn giải chủ quan.

Thứ ba, khoảng trống về kiểm chứng và trách nhiệm giải trình. Cơ chế đảm bảo độc lập/kiểm toán dữ liệu ESG còn hạn chế, khiến mức độ tin cậy của thông tin thấp hơn so với thông tin tài chính. Đồng thời, báo cáo chưa thể hiện rõ cơ chế giám sát nội bộ, phân công trách nhiệm và quy trình kiểm soát chất lượng dữ liệu ESG xuyên suốt các đơn vị.

Từ đó, có thể rút ra các hàm ý cải thiện minh bạch theo 3 cấp độ.

Thứ nhất, ở cấp ngân hàng, cần chuyển từ “báo cáo hoạt động” sang “báo cáo dựa trên trọng yếu và rủi ro”, gắn ESG với chiến lược, danh mục và khẩu vị rủi ro; đồng thời chuẩn hóa hệ KPI theo hướng có đường cơ sở, mục tiêu, tiến độ và thuyết minh phương pháp. Song song, cần xây dựng quản trị dữ liệu ESG (định nghĩa KPI, phạm vi dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu, kiểm soát chất lượng).

Thứ hai, ở cấp cơ quan quản lý/hiệp hội, cần thúc đẩy khung hướng dẫn tối thiểu để nâng khả năng so sánh, gồm chuẩn thuật ngữ, nhóm KPI cốt lõi, cấu trúc trình bày khuyến nghị và lộ trình nâng cấp từ định tính sang định lượng, kèm định hướng cơ chế đảm bảo độc lập theo mức độ phù hợp.

Thứ ba, ở cấp nhà đầu tư/đối tác, nên ưu tiên yêu cầu thông tin có thể kiểm chứng và có chuỗi dữ liệu, dịch chuyển kỳ vọng từ cam kết sang bằng chứng thực thi. Áp lực lựa chọn dựa trên chất lượng thông tin sẽ tạo động lực thị trường giúp giảm công bố hình thức và nâng trách nhiệm giải trình.

Tóm lại, thu hẹp các khoảng trống về trọng yếu, dữ liệu - phương pháp và kiểm chứng là điều kiện để báo cáo ESG trở thành công cụ minh

bạch có giá trị cho cả quản trị nội bộ lẫn niềm tin thị trường.

3. Kết luận

Nghiên cứu đã đề xuất khung tiêu chí đánh giá chất lượng báo cáo ESG trong ngành ngân hàng và sử dụng khung này để nhận diện thực trạng, qua đó chỉ ra 3 nhóm khoảng trống thông tin chủ yếu gồm: mức độ bám sát tính trọng yếu và liên kết với hoạt động cốt lõi, mức độ định lượng hóa kèm minh bạch dữ liệu - phương pháp, và cơ chế kiểm chứng cùng trách nhiệm giải trình. Kết quả cho thấy, báo cáo ESG của các ngân hàng đã có cải thiện về phạm vi nội dung và hình thức trình bày, nhưng vẫn cần nâng cấp theo hướng chuẩn hóa và có thể so sánh để tăng giá trị thông tin cho quản trị rủi ro và ra quyết định của các bên liên quan. Trên cơ sở đó, nghiên cứu nhấn mạnh hàm ý cải thiện minh bạch theo 3 cấp độ: ngân hàng cần củng cố quản trị dữ liệu và tích hợp ESG vào chiến lược - rủi ro; cơ quan quản lý/hiệp hội cần định hình khung hướng dẫn tối thiểu và lộ trình chuẩn hóa; nhà đầu tư/đối tác cần gia tăng yêu cầu về bằng chứng kiểm chứng được để thúc đẩy chất lượng công bố■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Hạ Thị Thiều Dao, Nguyễn Phạm Thuận Hằng, Lê Chí Minh (2024). Thực tiễn báo cáo ESG của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Truy cập tại <https://tapchinganhang.gov.vn/thuc-tien-bao-cao-esg-cua-he-thong-ngan-hang-viet-nam-10499.html>.

Buallay, A., Fadel, S. M., Alajmi, J., & Saudagaran, S. (2021). Sustainability reporting and bank performance after financial crisis: Evidence from developed and developing countries. *Competitiveness Review: An International Business Journal*, 31(4), 747-770.

Bui Thi Thu Loan, Tran Thi Lan Anh, & Trang Hoang. (2024). ESG disclosure and financial performance: Empirical study of Vietnamese commercial banks. *Banks and Bank Systems*. [https://doi.org/10.21511/bbs.19\(1\).2024.18](https://doi.org/10.21511/bbs.19(1).2024.18).

Chiaramonte, L., Dreassi, A., Girardone, C., & Piserà, S. (2022). Do ESG strategies enhance bank stability during financial turmoil? Evidence from Europe. *The European Journal of Finance*, 28(12), 1173-1211. <https://doi.org/10.1080/1351847X.2021.1964556>

European Banking Authority (2022). Final report: Draft implementing technical standards on prudential disclosures on ESG risks (EBA/ITS/2022/01). European Banking Authority.

Freeman, R. E. (1984). *Strategic management: A stakeholder approach*. Pitman.

Global Reporting Initiative. (2021). GRI 1: Foundation 2021. Global Reporting Initiative. <https://www.globalreporting.org/standards/standards-development/set-of-standards/gri-standards-2021/>

Hummel, K., & Schlick, C. (2016). The relationship between sustainability performance and sustainability disclosure: Reconciling voluntary disclosure theory and legitimacy theory. *Journal of Accounting and Public Policy*, 35(5), 455-476. <https://doi.org/10.1016/j.jaccpubpol.2016.06.001>

IFRS Foundation. (2023). IFRS S2 Climate-related Disclosures. International Sustainability Standards Board. <https://www.ifrs.org/issued-standards/ifrs-sustainability-standards-navigator/ifrs-s2-climate-related-disclosures/>

Nguyen, P. M. U., & Pham, T. T. (2025). The impact of ESG disclosure on credit risk of commercial banks in Vietnam. *Journal of Economics and Business Studies (JEBS)*. <https://hvnh.edu.vn/jeps/en/jepsno9/the-impact-of-esg-disclosure-on-credit-risk-of-commercial-banks-in-vietnam-413.html>

Spence, M. (1973). Job market signaling. *The Quarterly Journal of Economics*, 87(3), 355-374. <https://doi.org/10.2307/1882010>.

Suchman, M. C. (1995). Managing legitimacy: Strategic and institutional approaches. *Academy of Management Review*, 20(3), 571-610. <https://doi.org/10.5465/amr.1995.9508080331>

Ngày nhận bài: 20/01/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 7/02/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 26/02/2026

QUALITY OF ESG REPORTING IN THE BANKING SECTOR: EVALUATION CRITERIA, INFORMATION GAPS, AND IMPLICATIONS FOR ENHANCING TRANSPARENCY

● DANG PHU HIEP

University of Technology Sydney

ABSTRACT:

This study proposes an evaluation framework for the quality of ESG reporting in the banking sector, emphasizing materiality, quantification, consistency, data transparency, and verifiability. Based on qualitative content analysis of banks' reports, the study identifies three major information gaps: ESG disclosures are insufficiently linked to core banking activities and risk exposures; KPI reporting often lacks baselines, time-series comparability, and methodological explanations; and independent assurance and accountability mechanisms remain limited. Accordingly, the study recommends measures to enhance transparency at the bank, regulatory, and investor levels to strengthen comparability across banks.

Keywords: ESG reporting, quality, disclosure, transparency, banking.